TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Số: 46/2021/VHNGĐ - ST	*Q, ngày 25 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH

Căn cứ vào Điều 32, 33, 34, 35 và 36 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải lập ngày 09/8/2021 giữa những người yêu cầu:

Anh Vũ Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 7, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Sông K, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09/8/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và các tài liệu kèm theo, không có bên nào thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thành được ghi nhận tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận các nội dung hòa giải thành như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T.

1.2. *Về con chung:* Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 25/10/2001 (đã thành niên) và Vũ Tiến T, sinh ngày 11/3/2006. Ly hôn hai bên thỏa thuận, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Tiến T. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Tiến T mỗi tháng 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* kể từ tháng 9/2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản và nợ chung:* Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị T xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Các bên liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

4. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án./.

Nơi nhận:
- Các bên yêu cầu;
- VKSND thị xã Q;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã S
nơi đăng ký kết hôn;
- THADS thị xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Điền